

**Phụ lục VI**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN THÉP  
TIẾN LÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2023/CBTT/TLH

Biên Hòa, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Việt Nam**

**- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: TLH

- Địa chỉ: G4A, KP.4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Điện thoại liên hệ: 0251.3823187 Fax: 0251.3829043

- E-mail: [htcd@tienlen.com.vn](mailto:htcd@tienlen.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

**Báo cáo thường niên công ty Cổ phần tập đoàn thép Tiến Lên năm 2022**

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/04/2023 tại đường dẫn:

<https://api.tienlensteel.com.vn/relation/20230401%20-%20LTH%20-%20BAO%20CAO%20THUONG%20NIEN%202023.pdf>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2022

**Đại diện tổ chức**

**Người ủy quyền công bố thông tin**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*



**PHẠM THANH HÒA**

**BÁO CÁO /ANNUAL REPORT**  
**Thường niên năm /Year 2022**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

**I. Thông tin chung/General information**

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.: 3600512830
- Vốn điều lệ/Charter capital: **1.021.106.210.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital: **1.021.106.210.000 đồng**
- Địa chỉ/Address: G4A, khu phố 4, phường Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai
- Số điện thoại/Telephone: (084) 251.3823187 Số fax: (084) 251.3829043
- Website: [www.tienlensteel.com.vn](http://www.tienlensteel.com.vn)
- Email: [htcd@tienlen.com.vn](mailto:htcd@tienlen.com.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): TLH
- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

Thời gian	Nội dung
Năm 1988	- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được thành lập năm 1988, tiền thân là một cửa hàng vật liệu xây dựng, hoạt động theo mô hình kinh doanh hộ cá thể;
Năm 1993	- Từ năm 1993 được chuyển đổi thành doanh nghiệp tư nhân Tiến Lên, với ngành nghề kinh doanh chính là buôn bán vật liệu xây dựng, trong đó, sản phẩm chủ yếu là các sản phẩm về sắt thép.
Năm 2001	- Trải qua 16 năm hoạt động và phát triển, từ doanh nghiệp tư nhân Tiến Lên, Công ty đã chuyển đổi lần thứ nhất thành Công ty TNHH Tiến Lên ngày 22/11/2001 với mức vốn điều lệ ban đầu chỉ là: 15.000.000.000đ. Từ khi hoạt động dưới hình thức công ty TNHH, lĩnh vực hoạt động của Tiến Lên được mở rộng, doanh thu và lợi nhuận tăng nhanh vượt bậc trong giai đoạn năm 2006 đến năm 2008.

Năm 2008	Công Ty TNHH Tiến Lên đã tăng vốn lên 226 tỷ đồng với doanh thu trên 1.000 tỷ đồng mỗi năm. Cũng tại thời điểm này, Công ty đã tiến hành mua lại phần lớn vốn góp, sáp nhập 02 Công ty sản xuất và gia công thép hình khác là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc và Công ty TNHH Thép Tây Nguyên thành công ty con của Tiến Lên với mức chi phối trên 95%, giúp cho Tiến Lên trở thành một trong những doanh nghiệp đi đầu cả nước trong việc sản xuất và kinh doanh thép hình (U, I, V) các loại.
Năm 2009	Ngày 18/8/2009 Công ty TNHH Tiến Lên đã thực hiện chuyển đổi thành Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên với mức vốn thực góp là 449.530.000.000 VNĐ. với 2 công ty con trực thuộc và 01 công ty liên kết : <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Đại Phúc, ngày thành lập 30/11/2001, vốn điều lệ là 120.000.000.000 VNĐ.</li> <li>- Công ty TNHH Thép Tây Nguyên, ngày thành lập 07/08/1999, vốn điều lệ là 161.000.000.000 VNĐ.</li> <li>- Công ty Cổ Phần Thép Bắc Nam, tại Khu Công Nghiệp Tam Phước, Phường Tam Phước, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Ngày thành lập 12/10/2000, vốn điều lệ là: 360.000.000.000 VNĐ, tỷ lệ vốn góp vào công ty Bắc Nam là 48% trong đương: 172.800.000.000 VNĐ</li> </ul>
Tiếp theo năm 2009	Ngày 05/10/2009 Công ty hoàn tất việc phát hành hành riêng lẻ 9.047.000 cổ phiếu cho cán bộ - CNV công ty và một số cổ đông chiến lược bên ngoài (dưới 100 cổ đông), tăng vốn lên 540.000.000.000 VNĐ. Từ thời điểm này, Tiến Lên chính thức trở thành công ty đại chúng và đã đăng ký với UBCKNN.
Năm 2010	Ngày 09/09/2010, Công ty phát hành 3.706.814 cổ phiếu, tỷ lệ 6,86% để tăng vốn điều lệ lên 577.068.140.000 đồng.
Năm 2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày 25/03/2013, Công ty phát hành 4.674.719 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 8,10 % để tăng vốn điều lệ lên 623.815.330.000 đồng.</li> <li>- Ngày 25/03/2013, Công ty phát hành 18.304.155 cổ phiếu để hoán đổi lấy 15.040.283 cổ phiếu của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phúc Tiến vào Công CP tập đoàn thép Tiến Lên, tỷ lệ 29,34% để tăng vốn điều lệ lên 806.856.880.000 đồng.</li> </ul>
Năm 2016	- Ngày 17/02/2016, Công ty phát hành 3.959.876 cổ phiếu, tỷ lệ 4,9% để tăng vốn điều lệ lên 846.455.640.000 đồng.
Năm 2017	- Ngày 14/07/2017, Công ty phát hành 8.316.749 cổ phiếu, tỷ lệ 10% để tăng vốn điều lệ lên 929.623.130.000 đồng.
Năm 2018	- Ngày 13/07/2018, Công ty phát hành thêm 9.148.308 cổ phiếu, tỷ lệ 10% để tăng vốn điều lệ lên 1.021.106.210.000 đồng.

- Các sự kiện khác/ Other events: Không có

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business lines: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years): Sản xuất và buôn bán sắt thép (không sản xuất tại trụ sở)

- Địa bàn kinh doanh/Location of business: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

+ Các tỉnh miền Bắc (Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Quảng Ninh, Thái Bình, Phú Lý, Thanh Hoá)

+ Các tỉnh miền Trung (Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Thuận, Bình Định)

+ Các tỉnh miền Đông Nam Bộ (TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước)

+ Các tỉnh miền Tây Nam Bộ (Cần Thơ, Vĩnh Long, Long An)

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020)/Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises).

### Mô hình quản trị :

- **Đại hội đồng cổ đông.**

- **Hội đồng quản trị (HDQT):**

- Cơ quan phê chuẩn: Đại hội đồng cổ đông
- Số thành viên HDQT hiện tại: 05 thành viên HDQT
- Số thành viên quản trị không điều hành: 01 thành viên
- Số thành viên hội đồng quản trị độc lập: 01 thành viên

- **Ủy Ban Kiểm Toán:**

- Cơ quan phê chuẩn: Hội đồng quản trị
- Số thành viên ủy ban kiểm toán: 02 người
- Chủ tịch UBKT là thành viên độc lập HDQT
- 01 Thành viên HDQT không điều hành

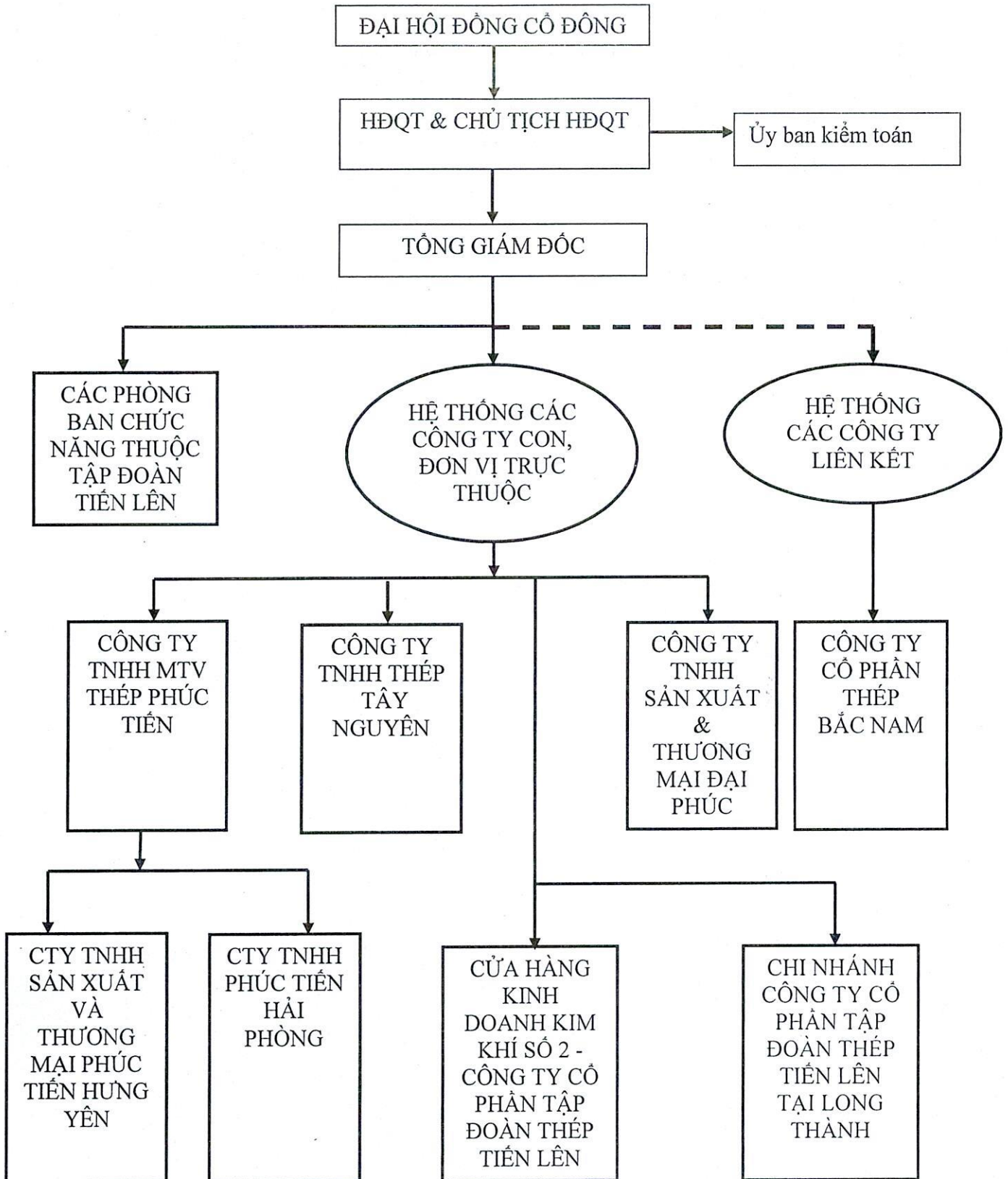
- **Ban Tổng Giám đốc:**

- Cơ quan phê chuẩn: Hội đồng quản trị

- **Các phòng ban chức năng:**

- Cơ quan phê chuẩn: Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm ( trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.)

SƠ ĐỒ MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

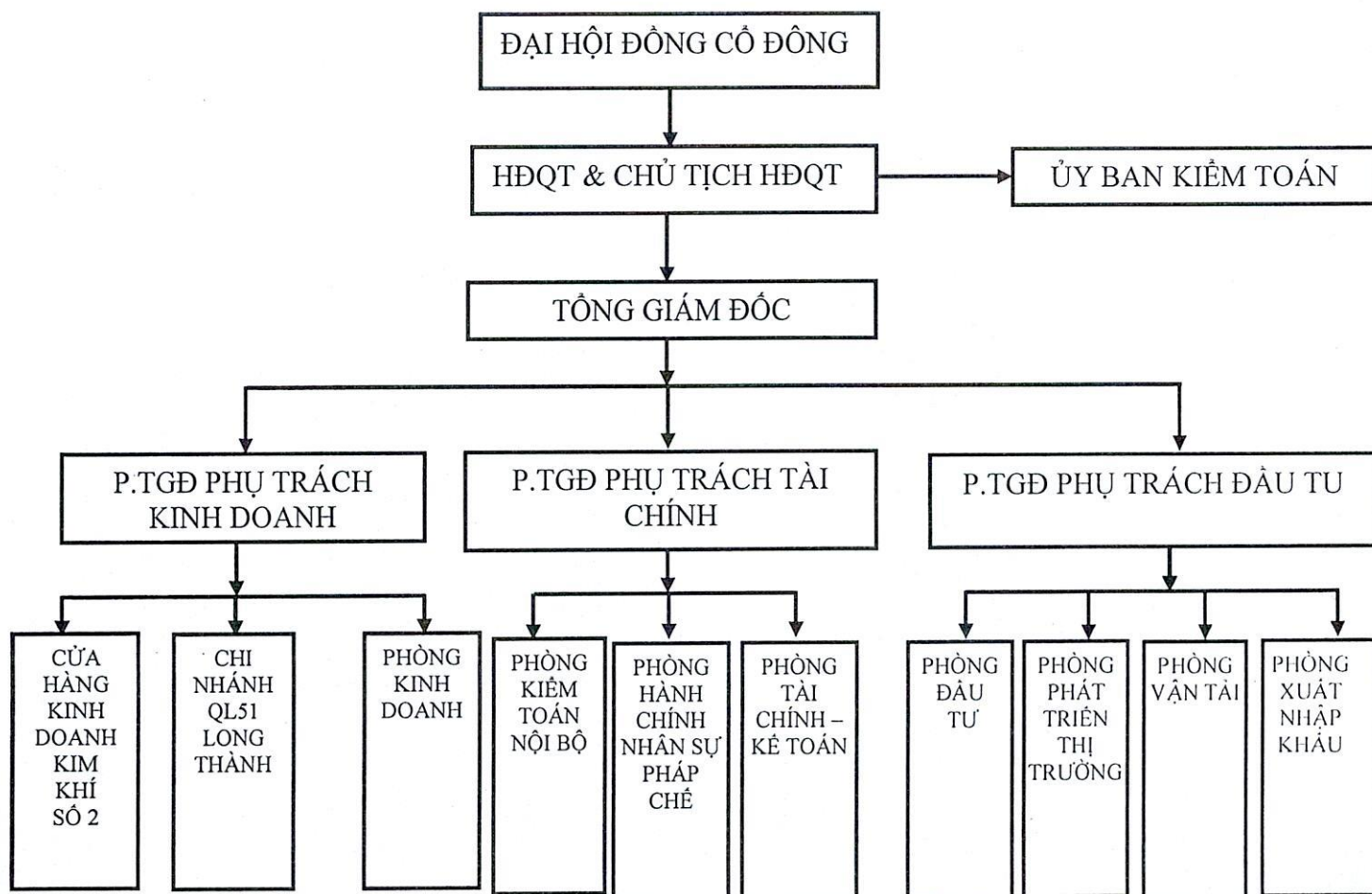


Chú thích : Đường : —————> : Chỉ đạo trực tiếp  
Đường : - - - - - : Phối hợp, hỗ trợ, kiểm soát

**Cơ cấu bộ máy quản lý :**

- + Đại hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị;
- + Ủy ban kiểm toán;
- + Ban Tổng Giám đốc.
- + Phòng tài chính-Kế toán.
- + Phòng kiểm toán nội bộ.
- + Phòng hành chính-Nhân sự- Pháp chế
- + Phòng kinh doanh-Xuất nhập khẩu.
- + Các cửa hàng, chi nhánh, văn phòng đại diện.

**CƠ CẤU QUẢN LÝ BỘ MÁY CỦA CÔNG TY  
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**



**- Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure.**

**- Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên, cụ thể bao gồm:**

- |                           |                                     |
|---------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Mạnh Hà     | Chủ tịch HĐQT                       |
| 2. Bà Nguyễn Ngọc Phượng  | Thành Viên                          |
| 3. Ông Nguyễn Vũ Hồng Anh | Thành Viên không tham gia điều hành |
| 4. Ông Lê Hoàng Sơn       | Thành Viên độc lập                  |
| 5. Bà Đào Thị Kim Loan    | Thành viên                          |

Ủy ban kiểm toán: công ty gồm 02 thành viên, cụ thể bao gồm:

- |                           |               |
|---------------------------|---------------|
| 1. Ông Lê Hoàng Sơn       | Chủ tịch UBKT |
| 2. Ông Nguyễn Vũ Hồng Anh | Thành viên    |

- **Ban điều hành công ty bao gồm:**

- |                          |                               |
|--------------------------|-------------------------------|
| 1. Bà Phạm Thị Hồng      | Tổng Giám đốc                 |
| 2. Bà Nguyễn Ngọc Phương | Phó tổng giám đốc thường trực |
| 3. Ông Dương Quang Bình  | Phó Tổng giám đốc             |
| 4. Bà Ngô Thị Hồng Vân   | Kế toán trưởng                |

- Các Phòng ban/bộ phận chuyên môn của Công ty:

1. Phòng Tài chính - Kế toán.
2. Phòng Kinh doanh - Xuất nhập khẩu.
3. Phòng Hành chính - Nhân sự- Pháp chế.
4. ...
5. Hệ thống các chi nhánh, cửa hàng ...

**4. Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies:** (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies).

- **Các công ty con:**

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc
  - Địa chỉ: Lô 08, đường Song Hành, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP HCM
  - Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và buôn bán sắt, thép.
  - Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng
  - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 95,83%
2. Công ty TNHH Thép Tây Nguyên
  - Địa chỉ: Lô 12-14, đường số 1, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP HCM
  - Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và buôn bán sắt, thép.
  - Vốn điều lệ: 161.000.000.000 đồng
  - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 97,35%
3. Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến
  - Địa chỉ: Lô 3-9A, Cụm TTCN Hai Bà Trưng, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
  - Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và buôn bán sắt, thép.
  - Vốn điều lệ: 214.400.300.000 đồng
  - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 100%

- **Danh sách công ty sở hữu gián tiếp:**

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên
  - Địa chỉ: Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
  - Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và buôn bán sắt, thép.
  - Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
  - Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của công ty: 100%
2. Công ty TNHH Phúc Tiến – Hải Phòng
  - Địa chỉ: Thôn Bắc Hà, xã Bắc Sơn, Huyện An Dương, TP Hải Phòng
  - Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và buôn bán sắt, thép.
  - Vốn điều lệ: 37.500.000.000 đồng
  - Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của công ty: 72%

- **Công ty liên kết:**

1. Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam
  - Địa chỉ: KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
  - Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và buôn bán sắt, thép.
  - Vốn điều lệ: 360.000.000.000 đồng
  - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 48%

#### **4. Định hướng phát triển/Development orientations**

##### **4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/Main objectives of the Company.**

➤ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2022:**

- a. Tập trung cải tiến năng lực quản lý;
- b. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng;
- c. Đầu tư và phát triển hệ thống;
- d. Áp dụng công nghệ thông tin vào quản trị công ty;
- e. Tăng cường, củng cố và ổn định năng lực tài chính;
- f. Triển khai mở rộng sang những lĩnh vực khác nhằm đảm bảo doanh thu và lợi nhuận.

##### **4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn/Development strategies in medium and long term.**

➤ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- a. Xây dựng phương thức hoạt động theo thể chế kinh tế thị trường (khách hàng, người lao động, cổ đông), coi đây là tiền đề quyết định để công ty phát triển;
- b. Cải cách đổi mới của từng bộ phận, từng lĩnh vực, tiếp tục bổ sung nhân sự tại các vị trí còn thiếu. Thực hiện phân quyền, giao vốn cho các đơn vị thành viên được chủ động trong hoạt động kinh doanh;
- c. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản trị doanh nghiệp, từng bước số hoá các tài liệu thuộc các phòng ban, đưa công tác quản trị điều hành hiện đại vào trong tập đoàn. Xây dựng văn phòng tập đoàn trở thành văn phòng không giấy và không còn khái niệm khoảng cách giữa các công ty thành viên.
- d. Triển khai chào hàng vào các thị trường mới và tiềm năng, cũng như đẩy mạnh chiến lược marketing trong thời đại 4.0
- e. Đổi mới và nâng cấp dây chuyền công nghệ trong sản xuất
- f. Đa dạng hóa các nhà cung cấp để chủ động hàng hóa đầu vào
- g. Đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị phần trong thị trường thép xây dựng.

##### **4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.**

➤ **Các mục tiêu phát triển bền vững:**

- a. Hoàn thiện bộ máy hoạt động, ổn định sản xuất;
- b. Sửa đổi, bổ sung quy chế tài chính, vấn đề tỷ giá, thiên tai, chính sách, đề ra giải pháp cân đối các chỉ tiêu phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh phù hợp với đặc thù của từng thời kỳ. Phối hợp hiệu quả với đơn vị kiểm toán để đảm bảo thời gian báo cáo minh bạch, chính xác các hoạt động trước Đại hội đồng cổ đông và nhà đầu tư;
- c. Tập trung điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản xuất, nâng cao uy tín các mặt hàng truyền thống, đảm bảo sức lan tỏa các sản phẩm đến tận từng khách hàng;
- d. Với vai trò là Công ty mẹ: Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên đóng vai trò điều phối



hạt nhân của hệ thống Tập đoàn, kết nối các thành viên trong Tập đoàn nhằm tăng cường nguồn lực về tài chính và quản trị cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

**4. Các rủi ro/Risks: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).**

**( Phần rủi ro về giá; tỷ giá; thị trường; thanh khoản; tín dụng ; chính sách; lãi suất;**

**a. Rủi ro về giá :**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày</b>				
<b>31/12/2021</b>				
Đầu tư ngắn hạn	103.362.315.053	-	-	103.362.315.053
	<u>103.362.315.053</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>103.362.315.053</u>
<b>Tại ngày</b>				
<b>01/01/2021</b>				
Đầu tư ngắn hạn	20.030.378.972	-	-	20.030.378.972
	<u>20.030.378.972</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>20.030.378.972</u>

**b. Rủi ro thị trường:**

Trong năm vừa qua kinh tế toàn cầu gặp ảnh hưởng trực tiếp từ chiến tranh Nga-Ukraine, chính sách zero-covid của Trung Quốc và chính sách thắt chặt tài chính tại các nền kinh tế lớn trên thế giới.

Các châu lục lạm phát phi mã hàng ngày, hàng tháng với mức lạm phát chưa từng có trong lịch sử nhiều năm, đã gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp toàn cầu. Đặc biệt các nước G7 và G20 cũng ưu tiên việc tăng lãi suất, kìm hãm tín dụng, ưu tiên cho chống lạm phát. Trong đó Mỹ, nền kinh tế lớn nhất toàn cầu, đã công bố mức tăng trưởng của năm 2022 chỉ đạt 2,1%, giảm so với mức 5,9% của năm 2021 sau những lần can thiệp tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) nhằm kiềm chế lạm phát, điều này cũng kéo theo hậu quả là các ngân hàng lớn tại Mỹ (Silicon Valley Bank và Signature Bank) đã gặp rất nhiều khó khăn, báo hiệu cho một kịch bản suy thoái kinh tế theo hiệu ứng dây chuyền.

Trong nước, siết chặt dòng tiền vào bất động sản, ngành vật liệu xây dựng và các công cụ siết chặt tài chính đã ảnh hưởng lớn lên dòng vốn của các doanh nghiệp. Những yếu tố trên

đã ảnh hưởng nặng lên giá thép khi giá liên tục giảm và chạm đáy, các nhà máy lớn trên thế giới đều buộc phải bán dưới giá vốn để giảm tồn kho.

Tuy nhiên lạm phát đã dần được kiểm soát từ cuối năm 2022, dự đoán cho một năm tài chính 2023 tốt đẹp hơn. Các nhà máy lớn cũng không còn áp lực về tồn kho và đang trong đà tăng giá bán ra để bù lại cho những lỗ lớn trong năm vừa qua.

**c. Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền Việt Nam.

**d. Rủi ro thanh khoản:**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày</b>				
<b>31/12/2022</b>				
Vay và nợ	1.540.084.694.357	12.553.309.138	-	1.552.638.003.495
Phải trả người bán, phải trả khác	669.533.619.388	870.539.650	-	670.404.159.038
Chi phí phải trả	5.283.905.395	-	-	5.283.905.395
	<b>2.214.902.219.140</b>	<b>13.423.848.788</b>	<b>-</b>	<b>2.228.326.067.928</b>
<b>Tại ngày</b>				
<b>01/01/2022</b>				
Vay và nợ	1.478.242.391.406	-	-	1.478.242.391.406
Phải trả người bán, phải trả khác	736.028.607.083	142.100.000	-	736.170.707.083
Chi phí phải trả	1.799.291.268	-	-	1.799.291.268
	<b>2.216.070.289.757</b>	<b>142.100.000</b>	<b>-</b>	<b>2.216.212.389.757</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### e. Rủi ro về tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày</b>				
<b>31/12/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.893.416.229	-	-	113.893.416.229
Phải thu khách hàng, phải thu khác	363.416.295.527	15.798.688.652	-	379.214.984.179
Các khoản cho vay	42.037.933.238	-	-	42.037.933.238
	<b>519.347.644.994</b>	<b>15.798.688.652</b>	<b>-</b>	<b>535.146.333.646</b>
<b>Tại ngày</b>				
<b>01/01/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.326.810.147	-	-	62.326.810.147
Phải thu khách hàng, phải thu khác	402.707.574.227	10.910.100.000	-	413.617.674.227
Các khoản cho vay	198.967.355.074	-	-	198.967.355.074
	<b>664.001.739.448</b>	<b>10.910.100.000</b>	<b>-</b>	<b>674.911.839.448</b>

#### f. Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**g. Rủi ro về tài chính:**

Rủi ro tài chính của công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**II. Tình hình hoạt động trong năm/ Operations in the Year**

*1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /*specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

Đơn vị tính: Tỷ Đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tình hình thực hiện so với kế hoạch		Tình hình thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước	
					Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	4.195		4.200		5	0,12%	
2	Doanh thu thuần	4.645	5.500	5.324	-176	-3,20%	679	14,62%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	547	375	27	-348	-92,80%	-520	-95,06%
4	Lợi nhuận khác	1		-1				
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	548	375	26	-349	-93,07%	-522	-95,26%
6	Lợi nhuận sau thuế	456	300	8	-292	-97,33%	-448	-98,25%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.381	2.938	53	-2.885	-98,20%	-4.328	-98,79%

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể CBCNV tập đoàn đã cố gắng đạt kết quả doanh thu thuần là 5.324 tỷ đồng, tăng so với năm trước mặc dù năm vừa qua là một năm vô cùng khó khăn đối với ngành thép. Hội đồng quản trị và Ban điều hành cũng giám sát sâu sát hơn nữa, để nhận định xu hướng thị trường cho năm 2023 nhằm giảm thiểu rủi ro để mang lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn, nhằm đáp ứng sự tăng trưởng bền vững cho Công ty.

**Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

- Trong năm 2022 doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 5.324 tỷ đồng, tăng

14,62 % so với năm 2021 và giảm 3,20% so với kế hoạch đề ra;

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 đạt 8 tỷ đồng, giảm 98,25% so với năm 2021 và giảm 97,33% so với kế hoạch đề ra;

Đánh giá: Năm 2022 là một năm đầy khó khăn và thách thức với thị trường thép, khi giá thép trên thế giới giảm mạnh ảnh hưởng đến thị trường thép tại Việt Nam. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên cũng gặp ảnh hưởng nặng nề về giá thép giảm mạnh. Chính vì vậy, mặc dù các hoạt động điều hành, sản xuất, kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn và thách thức do diễn biến phức tạp của giá thép, Tập Đoàn vẫn đảm bảo tối ưu được lợi nhuận trong năm 2022 từ các chính sách chặt chẽ từ ban lãnh đạo trong công tác bán hàng và chăm sóc khách hàng.

## 2. Tổ chức và nhân Sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Trình độ học vấn	Chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ hiện nay	Tóm tắt quá trình công tác	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Phạm Thị Hồng	1968	12/12	Quản trị kinh doanh	Tổng giám đốc	Từ năm 1993-2001 - Quản lý tại DNTN Tiên Lên	11.603.706	11,36%
						Từ năm 2002-10/2009 - Giám đốc Công ty TNHH Tiên Lên		
						Từ 10/2009 đến nay - Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Thép Tiên Lên		
2	Đương Quang Bình	1964	12/12	Cử nhân luật/Tài chính kế toán	Phó tổng giám đốc	Từ 2/1987-4/1990 kế toán trưởng Công ty cung ứng dịch vụ Vĩnh An	80	0,00%
						Từ 5/1990-4/1995, Phó phòng kế toán; Phó phòng kinh doanh Công ty thương nghiệp tổng hợp Vĩnh An		

						<p>Từ 04/1995 đến 04/1999</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán trưởng Trạm kinh doanh thương mại tổng hợp;</li> <li>- Phó phòng kế toán Công ty Thương mại Dịch vụ Biên Hòa;</li> <li>- Phó phòng kế hoạch và đầu tư Công ty thương mại dịch vụ Biên Hòa;</li> <li>- Giám đốc trung tâm kinh doanh XNK hàng thủ công mỹ nghệ - Công ty thương mại dịch vụ Biên hòa;</li> </ul>		
						Từ năm 1999-2002 - Kế toán trưởng tại DNTN Tiến Lên		
						Từ năm 2002-10/2009 - Phó giám đốc Công ty TNHH Tiến Lên		
						Từ 10/2009 đến nay - Phó tổng giám đốc Công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên		
3	Nguyễn Ngọc Phượng	1997	12/12	Đại Học	Phó tổng giám đốc thường trực	<p>Từ năm 2018 đến 07/2021 - Trợ lý hội đồng quản trị Công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên</p>	5.582.772	5,47%
						08/2021 đến nay - Phó tổng giám đốc thường trực công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên		
4	Ngô Thị Hồng Vân	1975	12/12	Cử nhân kinh tế	Kế toán trưởng	<p>Từ năm 1999-2002 - Kế toán tại DNTN Tiến Lên</p>	80	0,00%
						Từ năm 2002-10/2009 - Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Tiến Lên		

						Từ 10/2009-02/2020 - Kế toán tổng hợp Công ty CP Tập đoàn Thép Tiền Lên		
						Từ 01/03/2020 đến nay - Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Thép Tiền Lên		

- Những thay đổi trong ban điều hành/*changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (*List the changes in the Board of Management in the year*): không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

Số lượng cán bộ công nhân viên Tập đoàn tính tới ngày 31/12/2022: là 231 người, nhìn chung lực lượng lao động trong công ty ổn định nhờ chính sách của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty cùng sự phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở quan tâm tới đời sống của người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/*specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

- Về tình hình đầu tư tài chính: (*Chi tiết tại Phụ Lục 1 đính kèm*)

#### Về tình hình đầu tư các dự án :

\* Dự án 1: Khu dân cư thương mại An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

#### Tổng quan về dự án:

##### ➤ Vị trí địa lý của dự án:

Dự án khu dân cư thương mại tại ấp 8, xã An Phước huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai có ranh giới hạn như sau:

- + Phía Bắc giáp: Giáp đất dân cư và khu đô thị Tam Phước (dự kiến)
- + Phía Nam giáp: Đất dân cư
- + Phía Đông giáp: Giới hạn bởi tuyến cấp nước nhon trạch.
- + Phía Tây giáp: Quốc lộ 51

##### ➤ Quy mô dự án

Khu dân cư thương mại An Phước sẽ là khu dân cư thân thiện với môi trường với không gian xanh kết nối hạ tầng đồng bộ với khu vực xung quanh; hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ: đường nội bộ, cây xanh, đường điện, hệ thống cấp thoát nước.

+ Quy mô diện tích: 60.739 m<sup>2</sup>

+ Quy mô dân số: khoảng 550-600 người

**Cơ cấu sử dụng đất, phân khu chức năng**

➤ **Cơ cấu sử dụng đất của dự án**

STT	Chức năng sử dụng đất của dự án	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
I	Đất thuộc dự án	53.057	100
1	Đất ở	19.454	36,67
	Nhà biệt thự	6.360	
	Nhà liên kế	13.094	
2	Đất thương mại	7.432	14,01
3	Đất công viên cây xanh	8.776	16,54
4	Đất giao thông	17.395	32,79
<b>II</b>	<b>Đất hành lang bảo vệ mương nước</b>	<b>6.272</b>	
<b>III</b>	<b>Đất lộ giới quốc lộ 51</b>	<b>1.410</b>	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.739</b>	

➤ **Phân khu chức năng cho từng lô trong dự án**

STT	Ký hiệu	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mật độ xây dựng	Hệ số SDD	Tổng diện tích sàn (M <sup>2</sup> )	Tầng cao	Số căn hộ	Số người
<b>I</b>	<b>LK</b>	<b>Nhà liên kế</b>	<b>13.049</b>	<b>80</b>	<b>2,4</b>	<b>31.317,6</b>	<b>3</b>	<b>118</b>	<b>528</b>
1	LK1	Nhà liên kế LK1	1,94	80	2,4	4.656	3	17	68
2	LK2	Nhà liên kế LK2	1,7	80	2,4	4,08	3	17	68
3	LK3	Nhà liên kế LK3	2.725	80	2,4	6.540	3	28	112
4	LK4	Nhà liên kế LK4	2.725	80	2,4	6.540	3	28	112
5	LK5	Nhà liên kế LK5	1.428	80	2,4	3.427,2	3	14	56
6	LK6	Nhà liên kế LK6	1.416	80	2,4	3.398,4	3	14	56
7	LK7	Nhà liên kế LK7	1.406	80	2,4	3.374,4	3	16	56
<b>II</b>	<b>BT</b>	<b>Biệt thự</b>	<b>6.360</b>	<b>50</b>	<b>1,5</b>	<b>9.540</b>	<b>3</b>	<b>10</b>	<b>64</b>
1		Biệt thự BT1	2.705	50	1,5	4.057,5	3	10	24
2		Biệt thự BT2	3.655	50	1,5	5.482,5	3		40
<b>III</b>	<b>TM1</b>	<b>Đất thương mại dịch vụ</b>	<b>7.432</b>	<b>40</b>	<b>1,2</b>	<b>8.918,4</b>	<b>3</b>		
		Thương mại dịch vụ TM1	2.274	40	1,2	2.728,8	3		
		Thương mại dịch vụ TM2	5.158	40	1,2	6.189,6	3		
<b>IV</b>	<b>CX</b>	<b>đất công viên cây xanh</b>	<b>15.541</b>	<b>5</b>	<b>0,05</b>	<b>777</b>	<b>1</b>		
	CX1	Cây xanh CX1	325	5	0,05	16,3	1		
	CX2	Cây xanh CX2	765	5	0,05	38,3	1		



	CX3	Cây xanh CX3	5.512	5	0,05	275,6	1		
	CX4	Cây xanh CX4	2.423	5	0,05	121,2	1		
	CX5	Cây xanh CX5	4.566	5	0,05	228,3	1		
	CX6	Cây xanh CX6	164	5	0,05	8,2	1		
	CX7	Cây xanh CX7	141	5	0,05	7,1	1		
	CX8	Cây xanh CX8	1.641	5	0,05	82,1	1		
	<b>DGT</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>18.312</b>						
		<b>Tổng cộng</b>	<b>60.739</b>			<b>50.661</b>		<b>148</b>	<b>592</b>

➤ **không gian kiến trúc cảnh quan**

Khu dân cư tại xã An Phước có tổ chức không gian như một đô thị mới hiện đại, phù hợp với không gian kiến trúc tổng thể các khu dân cư lân cận ngoài dự án; Các biệt thự xen lẫn vào nhà phố liên kế tạo ra một không gian kiến trúc sinh động phù hợp với tầng lớp dân cư trẻ. Công trình thương mại, dịch vụ thiết kế và được bố trí tiếp giáp với Quốc lộ 51 tạo sự thuận lợi về việc tiếp cận hệ thống giao thông như tuyến đường cao tốc Long Thành – Dầu Dây- TP HCM; Tuyến cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu; Sân bay Long Thành đã khởi công xây dựng.

**Tổng mức đầu tư xây dựng:** 500 tỷ đồng tài trợ cho dự án Khu dân cư thương mại An Phước tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với quy mô hơn 60.000 m<sup>2</sup>.

**Nguồn vốn đầu tư xây dựng:** phát hành trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư chiến lược và các hình thức huy động vốn khác được pháp luật cho phép.

➤ **Phân kỳ đầu tư và nguồn vốn thực hiện**

**Dự kiến phân kỳ đầu tư làm 4 giai đoạn:**

**Giai đoạn 1:** Cắm mốc khoanh vùng dự án, chuẩn bị đầu tư, lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật (đã thực hiện)

Giai đoạn 2: Làm hồ sơ xin cấp có thẩm quyền cho phép tái khởi động lại dự án, phối hợp với các sở ngành chức năng triển khai các công việc của dự án KDC-TM theo đúng quy định của Pháp luật; Làm thủ tục xin giấy phép xây dựng.

Giai đoạn 3: Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trồng cây xanh tạo cảnh quan.

Giai đoạn 4: Xây dựng công trình theo quy hoạch, đưa dự án vào khai thác kinh doanh; làm các thủ tục về giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, đất ở đối với khách hàng theo cam kết trong hợp đồng mua bán nhà.

**Nguồn vốn thực hiện:** Vốn tự có, vay ngân hàng, kêu gọi các nhà đầu tư đầu tư vào dự án và chia sản phẩm; Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư chiến lược, trái phiếu không chuyển đổi hoặc chuyển đổi tùy theo tình hình cụ thể tại thời điểm.

➤ **Tiến độ thực hiện dự án:**

Thực hiện Điều 15, Nghị quyết số 01/2021/ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông những việc làm được, còn những việc tiếp tục thực hiện như sau:

- Triển khai huy động vốn trên cơ sở phù hợp với nhu cầu thực tế của dự án trên nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả của dự án.

Những việc làm được:

- Kiến nghị UBND tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo cho Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cùng với Sở Xây Dựng hướng dẫn doanh nghiệp trong việc tiếp tục thực hiện các thủ tục pháp lý để triển khai dự án theo phương án đã được phê duyệt.

**\* Dự án 2: Tham gia thiết kế quy hoạch 1/500 và thực hiện đấu thầu dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương**

➤ **Tổng quan về dự án:**

Khu đô thị mới Lai Cách Cẩm Giàng là dự án có diện tích quy mô khá lớn đã được chính thức chấp thuận quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500. KĐT mới này được quy hoạch đồng bộ hạ tầng kết nối đồng bộ với các khu vực xung quanh tạo thành 1 không gian *khô dân cư đồng nhất*. Thị trường bất động sản huyện cũng đã có nhiều biến chuyển tích cực trong 3 - 4 năm trở lại đây theo xu thế phát triển thị trường bất động sản của Hải Dương với nhiều dự án đã được triển khai ở các huyện. Tổng diện tích quy hoạch hơn 115.2 ha trong đó 95,88 ha là diện tích quy hoạch Khu đô thị mới còn lại 19.3 ha là khu vực quy hoạch kết nối vùng với các khu vực lân cận xung quanh . Quy mô dân số trong Khu đô thị này sẽ là 9.400 người. Đây là dự án khu đô thị lớn trên địa bàn Cẩm Giàng sẽ giúp làm đổi mới bộ mặt của huyện trong quá trình đổi mới Và đây cũng sẽ là tiền đề để các dự án đất nền khu đô thị Cẩm Giàng khác tiếp tục được triển khai.

➤ **Vị trí địa lý của dự án :**

Khu đô thị mới Lai Cách được quy hoạch tại khu vực trung tâm hành chính của huyện thuộc địa phận thị trấn Lai Cách và xã Cẩm Đông.

- + Phía Bắc giáp Quốc lộ 5;
- + Phía Nam giáp Tỉnh lộ 394 và khu đất ao hồ xã Cẩm Đông;
- + Phía Đông giáp Tỉnh lộ 394;
- + Phía Tây giáp dân cư các thôn Năm, thôn Đa, thôn Thượng.

➤ **Quy mô dự án**

Khu đô thị thị trấn Lai Cách sẽ là khu đô thị hiện đại , văn minh có kết nối hạ tầng đồng bộ với khu vực xung quanh ; hệ thống hạ tầng kĩ thuật đồng bộ : đường nội bộ, cây xanh, đường điện, hệ thống cấp thoát nước. Trong tổng số 95.88 ha đất của khu đô thị thì sẽ dành 290.218 m<sup>2</sup> cho đất ở; 313.290 m<sup>2</sup> đất đường giao thông khu đô thị và còn lại là diện tích dự phòng cho sự phát triển trong tương lai.

Dự án có 2 trục đường chính Bắc Nam và Đông Tây để kết nối Khu dân cư với các điểm lân cận, các điểm chính của Khu đô thị sẽ nằm trên các trục đường như sau:

+ Trục Bắc Nam từ điểm nối với đường gom QL5 để đi vào đường tỉnh lộ 394 đến điểm nối với đường 33m đi TP Hải Dương

+ Trục Đông Tây sẽ nối đường tỉnh lộ 394 để chạy qua dự án

Các loại nhà ở liền kề, biệt thự và chung cư khu đô thị Lai Cách được bố trí 2 bên của trục Đông Tây (ở hướng Tây Nam và Tây Bắc).

Nhà ở thương mại (shophouse) được bố trí dọc theo trục các tuyến đường chính Bắc Nam và Đông Tây.

Cụm các công trình dịch vụ thương mại được bố trí ở ngay nút giao tuyến đường Đông Tây với đường tỉnh lộ 394.

Cùng với đó là các công việc kết nối hạ tầng khu đô thị với các tiện ích đã sẵn có: khu thể thao, bãi đỗ xe, quảng trường. Quy hoạch khu cây xanh, mặt nước và quảng trường thành lõi của khu đô thị và đồng thời làm khu công viên trung tâm của thị trấn Lai Cách.

Quy hoạch đầy đủ các cụm công trình nhà văn hóa , trạm y tế, trường học, các cấp, vườn hoa, khu cây xanh , bãi đỗ xe và cả 2 sân thể thao cho các thôn xung quanh.

Biệt thự khu đô thị Lai Cách thiết kế theo phong cách hiện đại 3 tầng còn shophouse và nhà liền kề là 4 tầng , 2 tòa chung cư sẽ thiết kế có các căn hộ diện tích hợp lý với nhu cầu người dân địa phương cùng với các tiện ích phục vụ ngay tầng trệt.

**Tổng mức đầu tư xây dựng:** Tổng dự kiến tham gia đầu tư dự án khoảng 600 tỷ đồng

**Nguồn vốn đầu tư xây dựng:** phát hành trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư chiến lược và các hình thức huy động vốn khác được pháp luật cho phép.

➤ **Tiến độ thực hiện dự án :**

1. Tiếp tục thực hiện Điều 9, Nghị quyết số 01/2021/ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

a. Nguyên nhân dự án chậm tiến độ : Về mặt các cơ quan chức năng thay đổi lãnh đạo cấp cao liên tục và lãnh đạo tỉnh mới nhận nhiệm vụ nên giải quyết còn mang tính dè dặt cũng là nguyên nhân khiến việc triển khai dự án chậm tiến độ.

b. Biện pháp thực hiện : Để thúc đẩy tiến độ của Dự án, công ty phối hợp với các Bên trong liên danh thành lập bộ phận thường trực tại thành phố Hải Dương để thu thập và xử lý những thông tin trực tiếp có ảnh hưởng tới Dự án, giải quyết những công việc có tính chất cấp bách để đáp ứng nhu cầu của Dự án. Sau đó có chế độ báo cáo sau khi thực hiện. Khi dự án hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý thì công ty làm tờ trình huy động vốn cho dự án bất động sản Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

**\*Dự án 3 : Xây dựng chi nhánh Đà Nẵng đặt tại Quốc lộ 1A, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.**

➤ **Tổng quan môi trường kinh doanh**

+ **Thị trường mục tiêu:**

- Thành phố Đà Nẵng là thành phố trực thuộc trung ương, với vai trò là đầu kéo kinh tế cho các tỉnh miền trung phát triển, trong đó việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình nhà hàng khách sạn hàng năm tăng mạnh;

- Với các chính sách ưu đãi đầu tư của TP Đà Nẵng thu hút các nhà đầu tư đến Đà Nẵng làm ăn ngày càng nhiều nhu cầu về sắt thép là rất lớn, trong đó chưa kể nhu cầu sắt thép của các khu công nghiệp ở tỉnh bạn như Dung Quất – Quảng Ngãi, Khu kinh tế mở Chu Lai- Quảng Nam, do vậy việc thành lập chi nhánh Đà Nẵng là phù hợp, kịp thời trong khi tình hình kiểm soát định bệnh được kiểm soát.

➤ **Hệ thống giao thông và kết nối vùng**

- Chi nhánh của công ty nằm trên mặt tiền quốc lộ 1 sát thành phố rất thuận lợi cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng nhất là mặt hàng sắt thép, nó phù hợp với quy hoạch của thành phố Đà Nẵng di dời những cửa hàng kinh doanh VLXD ra ngoại ô thành phố. Nhà xưởng và kho hàng được thiết kế và bố trí tiếp giáp với quốc lộ 1A tạo sự thuận lợi về tiếp cận hệ thống giao thông như tuyến đường cao tốc Đà Nẵng- Quảng Nam- Quảng Ngãi và kết nối với đường Hồ Chí Minh; Sân bay quốc tế Đà Nẵng.

➤ **Vị trí địa lý của chi nhánh**

Địa chỉ của chi nhánh tại: Quốc lộ 1A, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Phía Bắc giáp: Đường quy hoạch B = 15,5m (4,0m – 7,5m – 4,0m).

- Phía Nam giáp: Quốc Lộ 1A.

- Phía Tây giáp: Cơ sở Kiểm định số 2 – Trạm đăng kiểm.

- Phía Bắc giáp: Đường quy hoạch B = 20,5m (5,0m – 10,5m – 5,0m).

➤ **Quy mô của chi nhánh:**

Diện tích đất sử dụng: 4.468 m<sup>2</sup>

Trong đó:

Nhà xưởng: 1.657,8 m<sup>2</sup>

Nhà văn phòng: 293.7 m<sup>2</sup>

Trạm cân 80 tấn: 111.4 m<sup>2</sup>

➤ **Cơ cấu sử dụng đất**

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
1	<b>Đất công trình</b>	<b>3.127</b>	<b>69,99</b>
A	Nhà xưởng hiện trạng	1.638	36,66
B	Nhà xưởng xây mới	1.327	29,70
C	Nhà văn phòng	150	3,36
D	Nhà bảo vệ	12	0,27
2	<b>Đất sân bãi</b>	<b>1.341</b>	<b>30,1</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.468</b>	<b>100</b>

**3. Tổng mức đầu tư xây dựng: 26.000.000.000 đồng**

**4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng:** Bao gồm vốn tự có, vốn vay, phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư chiến lược và các hình thức huy động vốn khác được pháp luật cho phép.

➤ **Tiến độ thực hiện dự án :**

Thực hiện Điều 8, Nghị quyết số 01/2021/ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông, V/v ủy quyền cho Hội đồng quản trị thành lập chi nhánh tại Đà Nẵng và triển khai kinh doanh trên cơ sở phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường miền Trung và nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình triển khai thành lập chi nhánh tại Đà Nẵng.

Báo cáo công việc chưa thực hiện được:

- Chưa thành lập được chi nhánh tại Đà Nẵng.
- Nguyên nhân: Tập đoàn chưa cơ cấu được tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở chi nhánh, chưa tuyển dụng đào tạo được nhân sự cho chi nhánh.

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ (*Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*).

**1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	684	1.133	449	65,64%
2	Lợi nhuận gộp	90	57	-33	-36,67%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	55	15	-40	-72,73%
4	Lợi nhuận sau thuế	45	9	-36	-80,00%

## 2. Công ty TNHH Thép Tây Nguyên

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	769	681	-88	-11,44%
2	Lợi nhuận gộp	126	52	-74	-58,73%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	90	25	-65	-72,22%
4	Lợi nhuận sau thuế	83	17	-66	-79,52%

## 3. Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	1.013	1.058	45	4,44%
2	Lợi nhuận gộp	121	34	-87	-71,90%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	112	43	-69	-61,61%
4	Lợi nhuận sau thuế	90	41	-49	-54,44%

## 4. Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	839	1.402	563	67,10%
2	Lợi nhuận gộp	132	59	-73	-55,30%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	65	16	-49	-75,38%
4	Lợi nhuận sau thuế	53	10	-43	-81,13%

- Danh sách công ty sở hữu gián tiếp:

**5. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	798	852	54	6,77%
2	Lợi nhuận gộp	97	25	-72	74,23%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	85	7	-78	91,76%
4	Lợi nhuận sau thuế	68	5	-63	-92,65%

**6. Công ty TNHH Phúc Tiến – Hải Phòng**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	815	632	-183	22,45%
2	Lợi nhuận gộp	59	5	-54	91,53%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	46	6	-40	86,96%
4	Lợi nhuận sau thuế	36	5	-31	86,11%

**4. Tình hình tài chính/Financial situation**

a) Tình hình tài chính/Financial situation

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Số tăng, giảm so với cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ tăng, giảm so với cùng kỳ năm trước
1	Tổng giá trị tài sản	4.195	4.200	5	0,12%
2	Doanh thu thuần	4.645	5.324	679	14,62%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	547	27	-520	-95,06%
4	Lợi nhuận khác	1	-1		

5	Tổng lợi nhuận trước thuế	548	26	-522	-95,26%
6	Lợi nhuận sau thuế	456	8	-448	-98,25%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.381	53	-4.328	-98,79%

- Tổng giá trị tài sản năm 2022 đạt 4.200 tỷ, tăng 0,12% so với năm 2021;
- Doanh thu thuần tăng 14,62% so với năm 2021 nhưng lợi nhuận sau thuế giảm 98,25% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của giá thép thế giới giảm mạnh.
- Các chỉ tiêu khác/ *Other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*) : không có

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators*:

Chỉ tiêu / <i>Indicators</i>	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,61	1,6	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn Short term Asset - Inventories Short term Debt	0,29	0,36	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,55	0,54	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (Debt/Owner's Equity ratio)	1,20	1,19	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	1,74	1,78	

+ Vòng quay tổng tài Sản/Total asset turnover: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (Net revenue/ Average Total Assets)	1,27	1,33	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,00	0,10	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	0,00	0,24	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	0,00	0,11	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Profit from business activities/ Net revenue Ratio)	0,01	0,12	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Vốn điều lệ : 1.021.106.210.000 đồng
- Tổng số cổ phần : 102.110.621 cổ phần (\*)
- + Cổ phiếu đang lưu hành : 102.110.621 cổ phần
- + Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phần

(\*): Tất cả số cổ phần này đều là cổ phần tự do chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.



STT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	-	0,00%	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
3	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cp trở lên	37.182.260	36,41%	3	-	3
	- Trong nước	37.182.260	36,41%	3	-	3
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
4	Công đoàn Công ty	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	-	0,00%			-
6	Cổ đông khác		%			
	- Trong nước	63.524.178	62,21%	11.815	37	11.778
	- Nước ngoài	1.404.183	1,38%	100	17	83
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>102.110.621</b>	<b>100,00%</b>	<b>11.918</b>	<b>54</b>	<b>11.864</b>
	<i>Trong đó: - Trong nước</i>	100.706.438	98,62%	11.818	37	11.781
	- <i>Nước ngoài</i>	1.404.183	1,38%	100	17	83

(Trích nguồn danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 19/01/2023 và có cập nhật thay đổi của cổ đông lớn)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị *cấp*)/specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc :

Xem mục I, quá trình hình thành và phát triển.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

**Số lượng cổ phiếu hiện tại:**

- Số cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu

**Giao dịch cổ phiếu quỹ: trong năm 2022 không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ**

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues: Không có phát sinh*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*:

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*:

Hoạt động kinh doanh của công ty là hoạt động thương mại và gia công thép cuộn chiếm tỷ trọng trên 90% do vậy trong quá trình hoạt động không phát ra khí thải nhà kính, trừ trường hợp khí thải nhà kính phát sinh ra do sinh hoạt của người lao động.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ *Measures and initiatives to reduce GHG emission*:

Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty nên chưa triển khai các phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year* :

Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm không có.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization*.

Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức chưa triển khai.

6.3. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên năng lượng tiêu thụ trực tiếp chủ yếu là điện năng sử dụng cho gia công thép cuộn và điện sử dụng cho văn phòng, hệ thống chiếu sáng, bảo vệ.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

Để tiết kiệm năng lượng được thông qua các giải pháp trong đó quy định trong tập đoàn là toàn bộ thiết bị điện nhập khẩu, mua trong nước phải được dán nhãn tiết kiệm năng lượng theo quy định của Bộ công thương. Đối với dây chuyền sản xuất thép ngoài yếu tố công nghệ đi tắt đón đầu, dây chuyền phải đáp ứng quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp thép của Bộ công thương.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng và báo cáo kết quả của các sáng kiến này chưa có số liệu tổng hợp, phân tích, đánh giá.

6.4. *Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Nguồn cung cấp nước của công ty và các công ty con trong tập đoàn chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt của công nhân viên. Riêng nhà máy thép Bắc Nam công nghệ làm mát cho dây chuyền sản xuất thép hình là sử dụng công nghệ nước tuần hoàn, lượng nước tiêu hao chủ yếu do bay hơi tự nhiên. Lượng nước tiêu hao chủ yếu được cấp bù với khối lượng nhỏ.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Tại nhà máy thép Bắc Nam (công ty liên kết) sử dụng công nghệ giải nhiệt bằng phương pháp tuần hoàn thì lượng nước tái sử dụng trên 90% sau khi lắng, lọc và hồi nước về hồ chứa.

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường nên chưa có bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment:*

Chưa có số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Số lao động: 231 lao động

- Mức lương trung bình đối với người lao động: 10.300.000 đồng/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

**Lưu ý/Note:** (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results: Phụ Lục 2 đính kèm*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Tình hình thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước		Tình hình thực hiện năm nay so với Kế hoạch đề ra	
			Kế hoạch	Thực hiện	Số tăng(+)/giảm (-)	Tỷ lệ tăng, giảm (%)	Số tăng(+)/giảm (-)	Tỷ lệ tăng, giảm ((%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.646	5.500	5.327	681	14,66%	(173)	-3,15%
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	1		2	1	100,00%	2	
03	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.645	5.500	5.324	679	14,62%	(176)	-3,20%
04	Giá vốn hàng bán	3.967	5.020	5.040	1.073	27,05%	20	0,40%
05	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	677	480	285	(392)	-57,90%	(195)	-40,63%
06	Doanh thu hoạt động tài chính	61	27	52	(9)	-14,75%	25	92,59%
07	Chi phí tài chính	70	70	213	143	204,29%	143	204,29%
08	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	56	60	97	41	73,21%	37	61,67%
09	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	25	28	4	(21)	-84,00%	(24)	-85,71%
10	Chi phí bán hàng	87	40	48	(39)	-44,83%	8	20,00%
11	Chi phí quản lý doanh nghiệp	59	50	53	(6)	-10,17%	3	6,00%
12	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	547	375	27	(520)	-95,06%	(348)	-92,80%
13	Thu nhập khác	3		1	(2)	-66,67%	1	
14	Chi phí khác	2		2	-	0,00%	2	
15	Lợi nhuận khác	1		(1)	(2)	200,00%	(1)	

16	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	548	375	26	(522)	-95,26%	(349)	-93,07%
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							
18	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	91	75	19	(72)	-79,12%	(56)	-74,67%
19	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	456	300	8	(448)	-98,25%	(292)	-97,33%
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	442		5	(437)	-98,87%	5	
21	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	14		2	(12)	-85,71%	2	
22	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.381	2.938	53	(4.328)	-98,79%	(2.885)	-98,20%

## 2. Tình hình tài chính/Financial Situation

### a) Tình hình tài sản/Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu kinh tế	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ%
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>3.636</b>	<b>3.643</b>	<b>7</b>	<b>0,19%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	62	114	52	83,87%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	302	82	-220	-72,85%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	415	373	-42	-10,12%
4	Hàng tồn kho	2.807	2.994	187	6,66%
5	Tài sản ngắn hạn khác	48	80	32	66,67%
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>559</b>	<b>557</b>	<b>-2</b>	<b>-0,36%</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	11	16	5	45,45%
2	Tài sản cố định	308	302	-6	-1,95%

3	Bất động sản đầu tư	21	20	-1	-4,76%
4	Tài sản dở dang dài hạn	14	11	-3	-21,43%
5	Đầu tư tài chính dài hạn	199	203	4	2,01%
6	Tài sản dài hạn khác	6	5	-1	-16,67%
<b>Tổng tài sản</b>		<b>4.195</b>	<b>4.200</b>	<b>5</b>	<b>0,12%</b>

+ Tài sản ngắn hạn đạt mức 3.643 tỷ đồng, tăng 0,19% so với năm 2021;

+ Hàng tồn kho đạt mức 2.994 tỷ đồng, tăng 6,66% so với năm 2021;

+ Tổng tài sản đạt mức 4.200 tỷ đồng, tăng 0,12% so với năm 2021;

b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ Current debts, major changes of debts.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	Số cuối năm 2021 (Tỷ đồng)	Số cuối năm 2022 (Tỷ đồng)	Chênh lệch (+ Tăng)/(-Giảm)	
				Số tiền (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>2.277</b>	<b>2.289</b>	<b>12</b>	<b>0,53%</b>
1	Nợ vay ngắn hạn	2.276	2.264	(12)	-0,53%
2	Nợ vay dài hạn	1	25	24	2.400,00%
<b>B</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.919</b>	<b>1.911</b>	<b>(8)</b>	<b>-0,42%</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	1.021	1.021	-	0,00%
2	Lợi nhuận sau thuế, quỹ chưa phân phối và các khoản khác.	898	890	(8)	-0,89%
	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>4.195</b>	<b>4.200</b>	<b>5</b>	<b>0,12%</b>

Tổng nợ phải trả cuối năm 2022 là 2.289 tỷ đồng, tăng 12 tỷ đồng tương đương 0,53% so với cùng kỳ năm trước. Tất cả các khoản nợ vay ngắn hạn của ngân hàng, nợ nhà cung cấp, Tập đoàn cũng bố trí nguồn tài chính trả nợ đúng hạn, không bị gia hạn bất cứ khoản thanh toán nào. Như vậy là minh chứng nguồn tài chính của Tập đoàn an toàn và ổn định. Căn cứ vào tỉ lệ giữa Tổng nợ trên Vốn chủ sở hữu dưới 1.2, như vậy mức độ Nợ của Tập đoàn được kiểm soát chặt chẽ và an toàn, điều

này đem đến sự linh hoạt và chủ động cho vấn đề luân chuyển nguồn vốn, tăng tạo uy tín về tài chính cho Tập đoàn.

Khi nhìn vào cơ cấu vốn của Tập đoàn, ta thấy rằng Tập đoàn đã duy trì một cơ cấu vốn an toàn khi hệ số nợ/vốn chủ sở hữu chỉ ở mức 1.19.

Công tác đảm bảo tài chính của Tập đoàn được thực hiện tốt, các chế độ, quy định của nhà nước cũng như của Tập đoàn được triển khai và thực hiện đầy đủ. Tập đoàn cũng không có khoản nợ quá hạn nào, chứng tỏ nguồn tài chính đảm bảo rất ổn định.

Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách nhà nước. Các khoản thu chi được kiểm soát chặt chẽ và các chỉ tiêu tài chính luôn ở trạng thái bình thường và an toàn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/*Improvements in organizational structure, policies, and management.*

- Thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý cụ thể rõ ràng, các quy định, quy trình hoạt động cùng hệ thống văn bản chỉ đạo điều hành được cập nhật nâng cấp theo hướng tinh gọn để làm, dễ áp dụng tạo thuận lợi tối đa cho công tác vận hành;

- Xây dựng lại các quy trình nghiệp vụ có liên quan đảm bảo công tác kiểm soát thu/ chi, tài chính Công ty được minh bạch, sử dụng vốn hiệu quả và giảm thiểu tổn thất cho công ty;

- Cải cách đột phá về chính sách lương, thưởng, phúc lợi mang lại quyền lợi thỏa đáng cho người lao động; đảm bảo thu nhập theo mặt bằng xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật; Thay đổi chính sách tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp bố trí nhân lực các cấp phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh thực tế;

- Khuyến khích và khen thưởng các tập thể, cá nhân người lao động có đề xuất, sáng kiến hay về cải tiến kỹ thuật, phương pháp làm việc và quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/*Development plans in future*

Đào tạo mới và nâng cao kiến thức quản lý sản xuất, năng lực quản trị cho các cấp quản lý;

Xem xét bố trí, phân bổ lao động phù hợp với nghiệp vụ từng bộ phận, phòng ban;

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chuẩn bị tốt nguồn nhân lực thay thế.

Có chính sách tuyển dụng linh hoạt và mức độ đãi ngộ tốt để thu hút nhân sự chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển trong những năm tiếp theo;

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp có quyết tâm cao, sáng tạo và linh hoạt trong quản lý điều hành trước những thay đổi nhanh của môi trường kinh doanh, đáp ứng mục tiêu xây dựng Công ty phát triển bền vững.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/*Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).*

Trong báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng của công ty không có ý kiến loại trừ của kiểm toán viên do vậy Ban tổng giám đốc không có ý kiến giải trình.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/*Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

Do đặc điểm của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên không có phần tác động môi trường như (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...); phần tiêu thụ nước chủ yếu là nước sinh hoạt, hệ thống làm mát bằng nước tuần hoàn tại nhà máy thép Bắc Nam với tỷ lệ thu hồi cao trong năm 2022 không phát sinh, phần năng lượng điện chủ yếu dùng cho bộ phận gia công thép tấm, sinh hoạt, chiếu sáng và các máy, thiết bị nâng hạ do vậy lượng chất thải phát tán ra môi trường không có.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

Vấn đề người lao động trong công ty được Ban lãnh đạo quan tâm hàng đầu, do vậy người lao động trong tập đoàn yên tâm công tác.



c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Assessment concerning the corporate responsibility for the local community: Không có

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

- Tổ chức thường xuyên các phiên họp định kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, phương hướng hoạt động và các kế hoạch quan trọng chủ chốt khác của công ty, nhằm chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;

- Tổ chức các phiên họp bất thường khác để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh;

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực kế thừa nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của toàn hệ thống.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai, thực hiện Quyết định Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty với thành tích đạt được khả quan;

- Ban Tổng Giám đốc đã có các chỉ đạo linh hoạt phù hợp với tình hình thực tiễn thị trường, thận trọng hơn trong các quyết định mua bán và luôn giữ lượng hàng tồn kho ở mức hợp lý;

- Ban Tổng Giám đốc cũng đề ra các giải pháp phù hợp để khắc phục các nhược điểm và triển khai thực hiện nghiêm túc các Quyết định của Đại hội cổ đông, của Hội đồng quản trị trong năm 2022 vừa qua;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, bám sát tình hình thực tế để dự báo, chỉ đạo và hỗ trợ ban Tổng Giám đốc (ban điều hành) Công ty phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng và mục tiêu đã đề ra, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường đầu tư phát triển bền vững trong những năm tiếp theo;

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là Tổng giám đốc đã điều hành công ty đạt kết quả kinh doanh tốt và ổn định trong những năm vừa qua;

- Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng luôn theo sát và tiếp thu ý kiến đóng góp của Ban Tổng Giám đốc, ủy ban kiểm toán và kiểm toán nội bộ trong công tác quản trị, định hướng và thống nhất chủ trương, giải pháp điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong từng giai đoạn, trong từng thời kỳ để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất trong thời gian tới;

- Căn cứ vào thực tế hoạt động của các kỳ kinh doanh trước, căn cứ vào dự báo của thị trường trong năm 2023, Tập đoàn đề ra các chỉ tiêu cho năm 2023 như sau:

STT	CHỈ TIÊU KINH TẾ	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2022	KẾ HOẠCH NĂM 2023
01	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.500	5.324	5.000
02	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	300	8	100

03	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	2.938	53	979
04	Tỷ lệ lãi cơ bản trên cổ phiếu	%	29,38%	0,53%	9.8%

## 2. Các giải pháp thực hiện:

Năm 2023, trên cơ sở định hướng phát triển cho toàn Tập đoàn trong giai đoạn 2020-2025, Thép Tiên Lên sẽ tiếp tục cải tiến, rút kinh nghiệm các giải pháp đã thực hiện trong năm 2022.

### a. Tập trung cải tiến năng lực quản lý:

Tiếp tục Xây dựng phương thức hoạt động theo thể chế kinh tế thị trường hiện đại dựa trên ba trụ cột (khách hàng, cổ đông và người lao động), coi đây là tiền đề quyết định để Tập đoàn phát triển.

Cải cách và đổi mới các chính sách hoạt động cho từng bộ phận, từng lĩnh vực. Tiếp tục bổ sung thêm nhân sự đối với các vị trí còn thiếu, bổ sung thêm đội ngũ chuyên viên đầu ngành để phát triển Tập đoàn, tăng cường năng lực kiểm soát, kiểm tra nội bộ, tổ chức việc kiểm tra, giám sát công việc theo sự phân công.

Thực hiện phân quyền, giao vốn cho các đơn vị thành viên để chủ động trong hoạt động kinh doanh.

Cho phép các công ty con đầu tư và liên doanh, liên kết với những đối tác có khả năng sinh lời cho Tập đoàn.

Tiếp tục quảng bá, phân phối mặt hàng thép xây dựng, nhằm tăng cao thị phần của Tập đoàn trong thị trường của mặt hàng này.

Sáp nhập các công ty con để kiện toàn bộ máy, giảm chi phí, nâng cao năng lực quản lý, kinh doanh.

Củng cố nâng cấp phần mềm quản lý trong hệ thống kế toán cho toàn công ty...

### b. Cải thiện công tác mua hàng và quản lý hàng tồn kho:

#### Đối với công tác quản lý kho:

Để đảm bảo cung ứng đầy đủ, đúng chủng loại, số lượng và chất lượng nguyên vật liệu cần thiết cho quá trình sản xuất với chi phí kinh doanh tối thiểu, chúng ta cần phải thực hiện một số giải pháp cho công tác mua hàng và quản lý hàng tồn kho như:

- Đầu tư và đổi mới hệ thống kho tàng, đảm bảo cho sự suôn sẻ về việc cập nhật hàng tồn kho giữa các công ty con và công ty mẹ.
- Sắp xếp hợp lý kho hàng, tối ưu hóa diện tích đất tại các kho hàng.
- Đánh giá thị trường tại từng khu vực để sắp xếp dự trữ hàng một cách hợp lý hơn nhằm mang sản phẩm đến tay khách hàng một cách nhanh chóng nhất.
- Đào tạo đội ngũ tại kho và thành lập đội ngũ kiểm tra chất lượng hàng hóa để hàng hóa luôn được bảo quản tốt, giảm chi phí bảo quản cũng như tăng kiến thức hàng hóa cho đội ngũ nhân viên kinh doanh và tại kho.

#### Đối với hàng tồn kho:

- Đa dạng hóa các nhà cung cấp để chủ động hàng hóa đầu vào để khai thác hệ thống kho và năng lực bán hàng hiện tại.
- Tìm thêm nhà cung cấp mới, đa dạng hóa hệ thống nhà cung cấp, tăng tính cạnh tranh về giá cả, đảm bảo chất lượng hàng hóa.

- Sàng lọc hệ thống các nhà cung cấp hiện có, loại bỏ các nhà cung cấp không đảm bảo chất lượng, uy tín trên thương trường. Tìm kiếm nguồn cung cấp giá hợp lý, đảm bảo chất lượng, tìm thêm nhiều nhà cung cấp để tăng tính cạnh tranh về giá cả và chất lượng.
- Thành lập hệ thống kiểm tra và báo cáo các mặt hàng tại kho để xác định khả năng phát triển của từng mặt hàng nhằm xác định mặt hàng và lượng hàng mua vào hợp lý hơn.

#### **c. Đầu tư và kinh doanh phát triển hệ thống:**

Xây dựng quy trình để chủ động hòa nhập quốc tế, xây dựng chương trình hành động nhằm tận dụng cơ hội vượt qua những thách thức khó lường, rủi ro trong nước cũng như trên thế giới.

Xây dựng thương hiệu, hình ảnh Tập đoàn, giữ vững thương hiệu, danh hiệu cạnh tranh trong năm 2022, tiếp tục thực hiện những mục tiêu, dự án đầu tư chưa thực hiện hoặc đang thực hiện của những nghị quyết, quyết định mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua từ những năm trước.....

Đa dạng hóa sản phẩm để phục vụ khách hàng ví dụ như: tăng thêm thép chế tạo thông thường và đặc biệt, thép sử dụng cho xây dựng dân dụng và công nghiệp như: thép cây vằn, thép dây....

Xây dựng mối quan hệ sâu rộng, mật thiết với khách hàng truyền thống và các nhà thầu, nhà đầu tư, đại diện chủ đầu tư. Những dự án lớn trọng điểm của quốc gia và các dự án khác...

Tiếp tục cơ cấu lại việc tổ chức và khai thác tài sản, bán bớt những tài sản không khai thác được hoặc khai thác không hiệu quả, tập trung vốn cho sản xuất kinh doanh.

Mở rộng quan hệ hợp tác, chọn đối tác liên kết, phát triển thêm các ngành nghề gia công thép chất lượng cao, thép sau gia công, đáp ứng với nhu cầu thị trường ngày một gia tăng.

Phát triển mở mạng lưới phân phối hàng của Tập đoàn tại miền Trung, Tây Nguyên, chọn Đà Nẵng lập công ty, kho hàng phân phối.

Đầu tư vào lĩnh vực bất động sản bằng hình thức liên doanh, sâu sát lựa chọn những dự án hiệu quả qua việc liên kết với các Công ty bất động sản có kinh nghiệm, có khả năng trong lĩnh vực này.

Chủ động cho phép Công Ty TNHH Một Thành Viên Phúc Tiến liên doanh với Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư Tây Bắc thực hiện đầu tư dự án bất động sản 96 héc ta tại tỉnh Hải Dương.

Thúc đẩy di dời nhà máy thép Bắc Nam với cổ phần chi phối của Tập đoàn để tập trung vào sản xuất kinh doanh lĩnh vực hợp lý khác.

Đầu tư thêm vốn để hiện đại hóa nhà máy thép Bắc Nam nhằm tăng thêm số lượng và chất lượng sản phẩm.

Tiếp tục triển khai thực hiện dự án Khu Dân Cư An Phước tại Long Thành, chọn phương thức đầu tư tốt nhất, mang lại lợi ích cao nhất cho Tập đoàn và cổ đông.

Tăng cường thêm máy móc hiện đại cho các xưởng gia công hiện hữu để nâng cao năng lực và chất lượng gia công nhằm tăng ưu thế cạnh tranh trong điều kiện nguồn cầu trong nước cho mặt hàng thép chất lượng cao đang dần tăng cao.

Tiếp tục bám sát tình hình thị trường, duy trì các chính sách bán hàng linh hoạt. Thường xuyên cập nhật thông tin về thị trường (nhu cầu, giá cả, đối thủ cạnh tranh...) để đánh giá, phân tích đưa ra kế hoạch và giải pháp tiêu thụ đúng hướng và có hiệu quả.

Đánh giá lại năng lực tài chính và nhu cầu phát triển của các khách hàng, tập trung vào những khách hàng truyền thống có tiềm lực tài chính. Tiếp tục hỗ trợ và phát triển các nhà phân phối có khả năng gia tăng sản lượng. Phát triển thêm nhà phân phối mới, đặc biệt là trong mảng công nghiệp, giao thông và hạ tầng.

#### **d. Tăng cường, củng cố và ổn định năng lực tài chính:**

Tập đoàn tiếp tục cải thiện, củng cố năng lực tài chính trong năm 2023. Tiếp tục làm việc với các tổ chức tài chính truyền thống, tìm kiếm những giải pháp mới để sử dụng nguồn vốn và tài chính sẵn có một cách hợp lý hơn. Tìm kiếm những cơ hội mới để mở rộng nguồn tài chính nhằm phục vụ cho công việc hoạt động sản xuất kinh doanh. Huy động tăng vốn từ cổ đông cho nhu cầu sản xuất kinh doanh cho từng giai đoạn.

## V. Quản trị công ty/Corporate governance

### 1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ Members and structure of the Board of Directors: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).

STT	Họ và Tên	Chức vụ hiện nay	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Mạnh Hà	Chủ Tịch HĐQT	19.995.782	19,58%	
2	Nguyễn Ngọc Phượng	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc thường trực	5.582.772	5,47%	
3	Nguyễn Vũ Hồng Anh	Thành viên HĐQT Không điều hành	2.985.500	2,92%	
4	Lê Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT độc lập, Không điều hành	0	0,00%	
5	Đào Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT kiêm tổng giám đốc công cổ phần thép Bắc Nam_ công ty liên kết	176	0,00%	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/the committees of the Board of Directors: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee).

Hội đồng quản trị không thành lập tiểu ban, Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công cho từng thành viên phụ trách và thực hiện.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của

các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results.*

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
<b>Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị</b>				
1.	Quyết định 08/2022/QĐ-TLH	17/01/2022	Điều động nhân sự	80%
2.	Quyết định số 25/2022/QĐ-HĐQT	28/02/2022	Tổ chức Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2022	80%
3.	Quyết định 40/2022/NQ-HĐQT	04/05/2022	Thông qua giao dịch giữa các bên liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT	100%
4.	Nghị quyết số 63/2022/NQ-HĐQT	26/08/2022	Ban hành quy chế hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán	100%
5.	Quyết định số 73/2022/QĐ-HĐQT	10/11/2022	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2021	100%
6.	Quyết định số 75/2022/QĐ-HĐQT	21/11/2022	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2021 (bổ sung chi tiết)	100%
7.	Quyết định số 77/2022/QĐ-HĐQT	25/11/2022	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2021	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of the Board of Directors independent members. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors' subcommittees: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results).*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

## 2. Ủy ban kiểm toán /Audit Committee

a) Thành viên Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Audit Committee: (danh sách thành viên ủy ban kiểm toán, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/The list of members of the ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company).*

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Ông Lê Hoàng Sơn	Chủ tịch ủy ban kiểm toán	0	0,00%
2	Ông Nguyễn Vũ Hồng Anh	Thành viên Ủy ban kiểm toán	2.985.500	2,92%

b) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *Assessing activities of the Board of Audit Committee, specifying the number of Audit Committee's meetings, their contents and results*).

STT	Thành viên ỦY BAN KIỂM TOÁN	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Hoàng Sơn	2	100%	100%	
2	Ông Nguyễn Vũ Hồng Anh	2	100%	100%	

Ủy ban kiểm toán họp sáu tháng một lần với sự tham gia của 100% thành viên, tham dự các cuộc họp định kỳ, các cuộc họp giao ban do HĐQT, Ban tổng giám đốc tổ chức. Thẩm định báo cáo tài chính của công ty và qua đó đề xuất kiến nghị đến HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ủy ban kiểm toán/ *Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*).

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Thu nhập tập đoàn chi trả	
			Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I.</b>	<b>Thu nhập của các Thành viên HĐQT</b>		<b>1.028.000.000</b>	<b>939.000.000</b>
1	Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	720.000.000	606.667.000
2	Nguyễn Ngọc Phương	P.Chủ tịch HĐQT	84.000.000	82.333.000

3	Nguyễn Vũ Hồng Anh	Thành viên HĐQT	84.000.000	82.333.000
4	Đào Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT, bổ nhiệm ngày 23/04/2022	56.000.000	20.000.000
5	Lê Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT	84.000.000	60.667.000
6	Phạm Thị Hồng	Thành viên HĐQT	-	20.000.000
7	Dương Quang Bình	Thành viên HĐQT	-	20.000.000
8	Đặng Tuấn Đại	Thành viên HĐQT	-	20.000.000
9	Nguyễn Văn Thành	Thành viên HĐQT	-	27.000.000
<b>II</b>	<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát :</b>		-	<b>44.000.000</b>
1	Lê Thị Hồng Liễu	Trưởng BKS	-	20.000.000
2	Cao Thị Hoài Thu	Thành viên BKS	-	12.000.000
3	Nguyễn Thị Tâm	Thành viên BKS	-	12.000.000
<b>III</b>	<b>Thu nhập của Ủy ban kiểm toán:</b>		<b>296.224.201</b>	<b>234.957.580</b>
1	Lê Hoàng Sơn	Trưởng ban	179.375.000	113.750.000
2	Nguyễn Vũ Hồng Anh	Thành viên	116.849.201	121.207.580
<b>IV</b>	<b>Thu nhập của Ban Kiểm toán nội bộ:</b>		<b>607.638.000</b>	<b>497.468.800</b>
1	Lê Thị Hồng Liễu	Trưởng ban	389.455.000	246.166.200
2	Phạm Thị Tâm Hiếu	Thành viên	218.183.000	128.645.200
3	Cao Thị Xinh	Thành viên, miễn nhiệm ngày 17/01/2022	-	122.657.400
<b>V</b>	<b>Thu nhập của Ban Điều hành</b>		<b>5.698.993.106</b>	<b>6.377.358.509</b>
1	Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	755.635.000	870.415.000
2	Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc	528.333.000	608.333.000
3	Nguyễn Ngọc Phượng	P.TGD thường trực	333.043.333	357.478.795
4	Dương Quang Bình	Phó Tổng Giám đốc	421.326.762	437.401.220
5	Ngô Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng	424.662.346	360.310.483

6	Đào Thị Kim Loan	Tổng giám đốc Cty Liên kết	498.762.907	503.101.208
7	Đặng Tuấn Đại	Phó giám đốc Cty Liên kết	254.719.429	253.367.920
8	Phạm Minh Đức	Giám đốc Công ty con, miễn nhiệm ngày 09/11/2021	-	266.979.923
9	Cao Thị Hoài Thu	Kế toán trưởng Công ty con, miễn nhiệm ngày 17/01/2022	-	314.266.700
10	Lê Văn Trọng	Giám đốc Công ty con	392.007.000	402.598.500
11	Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc Công ty con	357.009.230	414.749.923
12	Đào Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc Công ty con	257.335.230	304.917.231
13	Nguyễn Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc Công ty con	274.012.885	308.833.769
14	Nguyễn Thị Hương Trà	Phó Tổng Giám đốc Công ty con	166.121.156	194.199.077
15	Hà Thị Hải	Kế toán trưởng Công ty con	169.836.923	184.970.615
16	Đỗ Đức Cường	Giám đốc Công ty con	241.486.461	271.515.500
17	Phạm Mạnh Thắng	Phó Giám đốc Công ty con	120.159.519	-
18	Vũ Thị Oanh	Kế toán trưởng Công ty con	150.095.000	88.517.875
19	Phạm Mạnh Tiến	Phó Giám đốc Công ty con	194.493.846	-
20	Lưu Thị Tinh	Kế toán trưởng Công ty con	159.953.079	171.384.077
21	Bàng Sĩ Chung	Phó Giám đốc Công ty con	-	35.091.538
22	Nguyễn Thị Đào	Kế toán trưởng Công ty con	-	28.926.154
	<b>Tổng cộng :</b>		<b>7.630.855.307</b>	<b>8.092.784.889</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General*



Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons): không phát sinh giao dịch

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.*

(Chi tiết Phụ Lục 2 đính kèm)

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban hành thực hiện đúng các nguyên tắc sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- b. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.
- d. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.
- đ. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, kiểm toán nội bộ và Tổng giám đốc điều hành.
- e. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.
- f. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

## VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements

### 1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập vào trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial

Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).

1. Báo cáo tài chính được kiểm toán. :

2. Báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bao gồm :

Bảng cân đối kế toán;

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ công bố, cung cấp báo chính của công ty mẹ và và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán: Đường link Website [www.tienlensteel.com.vn](http://www.tienlensteel.com.vn).

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

-Nhu trên....

-Lưu: VT

- Archived:...

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO  
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S  
LEGAL REPRESENTATIVE**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, full name and seal)



NGUYỄN NGỌC PHƯỢNG

**PHỤ LỤC 1: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	39.037.933.238	-	198.967.355.074	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	39.037.933.238	-	198.967.355.074	-
	<b>39.037.933.238</b>	<b>-</b>	<b>198.967.355.074</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,7%/năm đến 5,5%/năm.

**Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (SHB)	23.498.280.000	9.980.845.000	(13.517.435.000)	23.288.280.000	22.369.130.000	(919.150.000)
Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (VIX)	21.196.714.786	6.479.356.000	(14.717.358.786)	7.068.419.786	6.931.650.000	(136.769.786)
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC)	18.203.505.000	7.014.370.000	(11.189.135.000)	14.618.055.000	14.326.010.000	(292.045.000)
Cổ phiếu khác	42.669.728.473	19.145.569.972	(23.524.158.501)	62.504.104.538	59.735.525.053	(2.768.579.485)
	<b>105.568.228.259</b>	<b>42.620.140.972</b>	<b>(62.948.087.287)</b>	<b>107.478.859.324</b>	<b>103.362.315.053</b>	<b>(4.116.544.271)</b>

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022.

**Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết**

	31/12/2022			01/01/2022			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
				VND			VND
Đầu tư vào công ty liên kết				<b>203.006.172.564</b>			<b>199.462.049.582</b>
- Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Biên Hòa, Đồng Nai	48%	48%	203.006.172.564	48%	48%	199.462.049.582
				<b>203.006.172.564</b>			<b>199.462.049.582</b>



**Phụ Lục 2: GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN**

**A. GIAO DỊCH CÔNG TY VỚI CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1.	Công ty TNHH SX VÀ TM Đại Phúc	Công ty con	Số GCN ĐKKD: 0302482409, Ngày cấp: 30/11/2001, Nơi cấp: Sở kế hoạch và Đầu Tư TPHCM	Lô số 8, KCN Tân Tạo Song Hành, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 04/05/2022	- Bán Hàng Hóa: 59.230.068.112	
					Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 04/05/2022	- Cung Cấp Dịch Vụ: 1.650.000.000	
					Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 04/05/2022	- Mua Hàng hóa: 156.901.924.333	
					Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 04/05/2022	- Mua Dịch Vụ: 1.909.411.715	
					Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 04/05/2022	- Vay của công ty mẹ (Tiền Lên): 33.550.000.000	
2.						- Bán Hàng Hóa: 46.267.495.120		

	<b>Công ty TNHH Thép Tây Nguyên</b>	<b>Công ty con</b>	Số GCN ĐKKD: 0301962730, Ngày cấp: 07/08/1999, Nơi cấp: Sở kế hoạch và Đầu Tư TPHCM	Lô 12-14 Đường số 1, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh	Từ đầu năm 2022 đến 31/12/2022	<b>Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 04/05/2022</b>	- Cung Cấp Dịch Vụ: 835.200.000 - Mua Hàng hóa: 41.929.200.974 - Mua Dịch Vụ: 1.943.252.958 - Vay của công ty mẹ (Tiến Lên): 62.880.000.000	
3.	<b>Công ty TNHH MTV thép Phúc Tiên</b>	<b>Công ty con</b>	Số GCN ĐKKD: 0101008460, Ngày cấp: 03/05/2000, Nơi cấp: Sở kế hoạch và Đầu Tư TP Hà Nội	Lô 03 - 9A cụm tiểu thủ công nghiệp Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Từ 8/06/2022 đến 31/12/2022	<b>Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 04/05/2022</b>	- Mua Hàng hóa: 20.224.574.915	
					Từ 13/06/2022 đến 31/12/2022	<b>Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 04/05/2022</b>	- Lãi tiền vay: 2.084.931.509	
					Từ 13/06/2022 đến 31/12/2022	<b>Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 04/05/2022</b>	- Đi vay: 21.874.734.084	
4.	<b>Công ty TNHH SX VÀ TM Phúc Tiên Hưng Yên</b>	<b>Công ty con</b>	Số GCN ĐKKD: 0900218760, Ngày cấp: 06/11/2003.	Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Từ 25/06/2022 đến 31/12/2022	<b>Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 04/05/2022</b>	- Mua hàng hoá: 1.294.059.271	

			Nơi cấp: Sở kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Hưng Yên				
5.	<b>Công ty Cổ Phần Thép Bắc Nam</b>	<b>Công ty Liên Kết</b>	Số GCN ĐKKD: 360047927 7, Ngày cấp: 12/10/2000, Nơi cấp: Sở kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai	KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	<b>Nghị quyết số 40/2022/ NQ-HĐQT ngày 04/05/2022</b>	- Bán Hàng Hóa: 89.776.082.143 - Cung Cấp Dịch Vụ: 924.000.000 - Mua Hàng hóa: 88.344.924.210 - Mua Dịch Vụ: 1.273.015.218
6.	<b>Bà Phạm Thị Hồng</b>	<b>Người nội bộ</b>	075.168.00 0.855 cấp ngày 05/04/2021 tại Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	GA, Đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.	Từ 10/05/2022 đến 30/06/2022	<b>Nghị quyết số 40/2022/ NQ-HĐQT ngày 04/05/2022</b>	- Đi vay: 1.072.364.600

**B. GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, LIÊN KẾT**

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1.	Ông Nguyễn Mạnh Hà		Chủ tịch HĐQT	0300 6201 0686 cấp ngày 09/01/2022 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	G1A, Đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.	Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến	Từ năm 2010	- Nợ tiền vay: 45.923.505.687 - Nợ tiền lãi vay: 432.373.154	
						Công ty TNHH SX VÀ TM Phúc Tiến Hưng Yên	Ngày 23/08/2018	- Nợ tiền vay: 1.385.448.211	
2.	Bà Phạm Thị Hồng		TGD	075.168.000.85 5 cấp ngày 05/04/2021 tại Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	G1A, Đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.	Công ty TNHH SX VÀ TM Đại Phúc	Ngày 30/06/2022	- Nợ tiền chia lợi nhuận: 2.563.063.160 - Nợ tiền vay: 3.844.750.000	
						Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	Ngày 30/06/2021	- Nợ tiền vay: 34.716.574.230	
						Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến	Ngày 24/01/2017	- Nợ tiền vay 360.000.000	
						Công ty Cổ Phần Thép Bắc Nam	Ngày 18/02/2022	- Nợ tiền vay: 4.771.951.200	